

Bản án số: 233/2023/HC-PT

Ngày: 06/4/2023

V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hoa;

Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;
Bà Phan Thị Vân Hương.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 06 tháng 4 năm 2023, tại Phòng xét xử trực tuyến trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và Phòng xét xử trực tuyến Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa công khai xét xử trực tuyến vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 564/TLPT-HC ngày 23 tháng 11 năm 2022 về việc “Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2022/HCST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2653/2023/QĐ-PT ngày 15 tháng 3 năm 2023 giữa:

*** Người khởi kiện:**

- Ông Dương Xuân T; sinh năm 1958;
- Bà Dương Thị V; sinh năm 1960;
- Ông Dương Thế G; sinh năm 1964;
- Bà Dương Thị T1; sinh năm 1972;

Cùng địa chỉ: Xóm B L, xã T Q, thành phố S C, tỉnh Thái Nguyên.

5. Ông Dương Văn B; sinh năm 1966; địa chỉ: Xóm M, xã T Q, Thành phố S C, tỉnh Thái Nguyên.

6. Bà Dương Thị T2; sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ 11, phường T L, Thành phố S C, tỉnh Thái Nguyên.

7. Bà Dương Thị T3; sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường B Q, thành phố S C, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Dương Xuân T, bà Dương Thị V, ông Dương Thế G, bà Dương Thị T, bà Dương Thị T2, bà Dương Thị T3: ông Dương Văn B, sinh năm 1966; Địa chỉ: Xóm M, xã T Q, Thành phố S C, tỉnh Thái Nguyên.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Phúc Tr, bà Nguyễn Thị L – Luật sư, Công ty Luật THÁI NGUYỄNHH Phúc Trường, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

*** Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thành phố S C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố S C;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lưu Trí V; chức vụ Phó Chủ tịch UBND thành phố S C; Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Ủy ban nhân dân xã T Q, thành phố S C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T Q, thành phố S C;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Công H; chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T Q; Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, có mặt ông Dương Xuân T, ông Dương Văn B và ông Nguyễn Phúc Tr, các đương sự khác đều vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Dương Văn B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, những người khởi kiện thống nhất trình bày như sau:

Thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp S C II, ngày 06/3/2020 UBND thành phố S C đã ban hành Quyết định số 310/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Quyết định số 311/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, theo đó thu hồi của hộ gia đình ông Dương Thế L 18 thửa đất với tổng diện tích là 21.197,5m², bồi thường hỗ trợ cho hộ ông Dương Thế L số tiền 6.269.347.061 đồng. Trong tổng số 18 thửa đất bị thu hồi có 03 thửa đất đều chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là QSDĐ), có nguồn gốc đất do gia đình tự kê khai và được UBND xã T Q xác nhận, gồm các thửa:

+ Thửa trích đo 413 (144+167) diện tích 458,5m² loại đất NTS.

+ Thửa trích đo 415 (145) diện tích 577,4m² loại đất CLN.

+ Thừa trích đo 560 diện tích 322,6m² loại đất CLN.

Toàn bộ 03 thửa đất trên cùng thửa với đất thổ cư của gia đình ông L, đều có nguồn gốc là gia đình tự vỡ hoang sử dụng từ trước năm 1960 và sử dụng ổn định cùng một thửa có nhà ở, có vườn, có ao từ đó đến khi thu hồi đất không có tranh chấp với ai. Toàn bộ khu đất là một quả đồi có địa hình cao hơn, xung quanh là ruộng trồng lúa canh tác và suối thấp hơn hẳn khu đất của gia đình. UBND thành phố S C đã căn cứ vào bản đồ địa chính 1986 để xác định loại đất, tuy nhiên từ năm 1987 đến nay bản đồ địa chính không có chỉnh lý và có rất nhiều điểm không đúng với thực tế sử dụng đất của người sử dụng; Việc xác định 03 thửa đất 413, 415, 560 là đất CLN, ao không cùng thửa với đất ở là mâu thuẫn với việc xác định nghĩa vụ nộp thuế. Các thành viên trong hộ gia đình ông Dương Thế L không nhất trí với việc xác định loại đất vì cho rằng 03 thửa đất trên là đất vườn, ao cùng thửa đất ở 343 nên đã làm đơn đề nghị tới UBND xã T Q. Tại Văn bản số 723/UBND-ĐC ngày 01/12/2020 của UBND xã T Q đã không công nhận 3 thửa đất nêu trên là đất nông nghiệp cùng thửa đất ở.

Không nhất trí, gia đình ông L đã làm đơn khiếu nại tới UBND xã T Q và UBND thành phố S C để yêu cầu xác định lại loại đất và được Chủ tịch UBND xã T Q giải quyết khiếu nại lần đầu tại Quyết định số 236/QĐ-UBND ngày 15/4/2021; Chủ tịch UBND thành phố S C giải quyết khiếu nại lần 2 tại Quyết định số 2700/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 với nội dung không chấp nhận khiếu nại của gia đình ông. Khi giải quyết khiếu nại, Chủ tịch UBND xã T Q đã không thu thập bằng chứng, chứng cứ và ý kiến của những người đã từng cư trú cùng thời điểm bắt đầu sử dụng đất theo quy định tại Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP, không căn cứ vào thực tế, không căn cứ theo ý kiến của trưởng xóm L C theo biên bản xác minh nội dung khiếu nại ngày 18/3/2021, không tiến hành xác minh nguồn gốc sử dụng đất.

Không nhất trí với các quyết định trên, các con của ông L (ông L đã chết) làm đơn khởi kiện vụ án hành chính. Yêu cầu huỷ các quyết định sau:

- Huỷ một phần Quyết định số 310/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 của UBND thành phố S C về việc thu hồi đất để thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án xây dựng hạ tầng khu công nghiệp S C II (giai đoạn I, đợt 3, diện tích 50ha) – trình đợt 8;

- Huỷ một phần Quyết định số 311/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố S C về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án xây dựng hạ tầng khu công nghiệp S C II (giai đoạn I, đợt 3, diện tích 50ha) – trình đợt 8;

- Huỷ toàn bộ Quyết định số 2700/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố S C về việc giải quyết khiếu nại của ông Dương Văn B và ông Dương Thế G (lần 2).

- Buộc UBND thành phố S C, Chủ tịch UBND thành phố S C, UBND xã T Q, Chủ tịch UBND xã T Q thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định. Công nhận các thửa đất trích đo 413, 415 và 560 là thửa đất cùng thửa đất ở 343 để bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

- Buộc UBND thành phố S C và Chủ tịch UBND thành phố S C bồi thường thiệt hại do quyết định hành chính trái pháp luật gây ra.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện hợp pháp của những người khởi kiện trình bày do chưa cung cấp được hồ sơ tài liệu để chứng minh thiệt hại nên đề nghị được rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại do quyết định hành chính trái pháp luật gây ra.

Theo bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là UBND thành phố S C và Chủ tịch UBND thành phố S C trình bày:

Thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp S C II, hộ gia đình ông Dương Thế L đã kê khai đất thuộc phạm vi thu hồi đất, được UBND xã T Q xác nhận theo quy định, được L, thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư với tổng diện tích là 21.197,5m²; UBND thành phố ban hành Quyết định số 310/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 về việc thu hồi đất để thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp S C II và Quyết định số 311/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trong đó có hộ ông Dương Thế L là đúng quy định. Gia đình đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng. Việc UBND thành phố thực hiện quy trình bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Dương Thế L là đúng quy định.

Về việc xác định loại đất:

Hộ ông Dương Thế L được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ năm 1991 tại thửa 116, tờ bản đồ địa chính 114-I diện tích 4.130m², loại đất “Thổ cư” bao gồm 400m² đất ở và 3.730m² đất cây lâu năm, năm 2012 xác định lại diện tích đất ở lên 600m², diện tích còn lại là đất cây lâu năm; trên bản đồ địa chính đo đạc năm 1987 thể hiện thửa đất số 116 diện tích 4.530m², loại đất “T”.

Năm 2012, hộ ông Dương Thế L tặng cho QSDĐ cho các con, cháu là Dương Xuân T, Dương Thái Sơn, Dương Thị T3, Dương Thị T, Dương Thị T2, Dương Văn B, Dương Thế G, Dương Thị V. Trong hồ sơ tặng cho QSDĐ có biên bản xác định kích thước, diện tích hiện trạng sử dụng đất ngày 06/4/2012 đã thể hiện rõ ranh giới, diện tích thửa đất số 116, đã được các hộ ký xác nhận, không có ý kiến khác. Bản đồ địa chính đo vẽ lại phục vụ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng Khu công nghiệp S C II (được Sở Tài nguyên và Môi trường nghiệm thu bước 1 tháng 3 năm 2019) thể hiện: thửa 343 (116+136) diện tích 5.329,9m² loại đất ONT+CLN; thửa 413 (144+167) diện tích 458,5m² loại đất NTS; thửa 415 (145) diện tích 577,4m² loại đất CLN. Sau khi thực hiện trình tự

thủ tục thu hồi đất, bản đồ duyệt bước 1 được chỉnh lý và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên duyệt bước 2 ngày 02/11/2020; thửa đất 343 (116+136) diện tích 5.329,9m² được chỉnh lý tách thành 11 thửa trong đó có thửa 560 diện tích 322,6m² đất cây lâu năm. Qua kiểm tra, so sánh, đối chiếu, lồng ghép các loại bản đồ thì 03 thửa đất: 413 (144+167), 415 (145), 560 đều nằm ngoài ranh giới của thửa đất số 116 của ông L đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1991. Do vậy, không có cơ sở để xác định 03 thửa trích đo số 413 (144+167), 415 (145), 560 là đất vườn, ao trong cùng thửa đất ở. Nguồn gốc thửa đất đã được xóm L C, UBND xã T Q khẳng định rõ; Chủ tịch UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 2700/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 về việc giải quyết khiếu nại của ông Dương Văn B, ông Dương Thế G (lần hai) là đúng quy định.

Đại diện theo uỷ quyền của Người có quyền lợi liên quan là UBND xã T Q và Chủ tịch UBND xã T Q trình bày: thống nhất ý kiến với UBND thành phố S C về việc xác định loại đất đối với 3 thửa đất trên và khẳng định việc giải quyết khiếu nại đối với hộ ông Dương Thế L đã đảm bảo đúng quy định.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2022/HC-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã quyết định:

Căn cứ các Điều 30, Điều 32, Điều 115, Điều 116, Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 51, 62, 63, 66, 69 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 47/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Dương Xuân T, bà Dương Thị V, ông Dương Thế G, bà Dương Thị T, ông Dương Văn B, bà Dương Thị T2, bà Dương Thị T3 về việc yêu cầu:

- Hủy một phần Quyết định số 310/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 của UBND thành phố S C về việc thu hồi đất để thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án xây dựng hạ tầng khu công nghiệp S C II (giai đoạn I, đợt 3, diện tích 50ha) – trình đợt 8;

- Hủy một phần Quyết định số 311/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố S C về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án xây dựng hạ tầng khu công nghiệp S C II (giai đoạn I, đợt 3, diện tích 50ha) – trình đợt 8;

- Hủy toàn bộ Quyết định số 2700/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố S C về việc giải quyết khiếu nại của ông Dương Văn B và ông Dương Thế G (lần 2).

- Buộc UBND thành phố S C, Chủ tịch UBND thành phố S C, UBND xã T Q, Chủ tịch UBND xã T Q thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định. Công

nhận các thửa đất trích đo 413, 415 và 560 là thửa đất cùng thửa đất ở 343 để bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại do quyết định hành chính trái pháp luật gây ra.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/10/2022, đại diện của những người khởi kiện là ông Dương Văn B có đơn kháng cáo với toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo đồng thời là đại diện theo ủy quyền của những người khởi kiện khác và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp có cùng ý kiến: Giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị Tòa án hủy một phần Quyết định số 310/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 của UBND thành phố S C về việc thu hồi đất để thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án xây dựng hạ tầng khu công nghiệp S C II (giai đoạn I, đợt 3, diện tích 50ha) – trình đợt 8; hủy một phần Quyết định số 311/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố S C về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án xây dựng hạ tầng khu công nghiệp S C II (giai đoạn I, đợt 3, diện tích 50ha) – trình đợt 8; hủy toàn bộ Quyết định số 2700/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố S C về việc giải quyết khiếu nại của ông Dương Văn B và ông Dương Thế G (lần 2) và buộc UBND thành phố S C, Chủ tịch UBND thành phố S C, UBND xã T Q, Chủ tịch UBND xã T Q thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định. Công nhận các thửa đất trích đo 413, 415 và 560 là thửa đất cùng thửa đất ở 343 để bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

Người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

Sau khi phân tích tài liệu có trong hồ sơ thì thấy Tòa án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của các con của ông L là đúng quy định. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía người khởi kiện không xuất trình được tài liệu mới bảo vệ cho quan điểm của mình nên không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 19/11/2021, ông Dương Xuân T, bà Dương Thị V, ông Dương Thế G, bà Dương Thị T, ông Dương Văn B, bà Dương Thị T2, bà Dương Thị T3 (các con cụ L) nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính đối với Quyết định số 310/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 của UBND thành phố S C về việc thu hồi đất để thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án xây dựng hạ tầng khu công nghiệp S C II (giai đoạn I, đợt 3, diện tích 50ha) – trình đợt 8; Quyết định số 311/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố S C về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án xây dựng hạ tầng khu công nghiệp S C II (giai đoạn I, đợt 3, diện tích 50ha) – trình đợt 8; Quyết định số 2700/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố S C về việc giải quyết khiếu nại của ông Dương Văn B và ông Dương Thế G (lần 2) và buộc UBND thành phố S C, Chủ tịch UBND thành phố S C, UBND xã T Q, Chủ tịch UBND xã T Q thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định. Công nhận các thửa đất trích đo 413, 415 và 560 là thửa đất cùng thửa đất ở 343 để bồi thường, hỗ trợ theo quy định; Buộc UBND thành phố S C và Chủ tịch UBND thành phố S C bồi thường thiệt hại do quyết định hành chính trái pháp luật gây ra nên vụ án được Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền và vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện theo khoản 1, khoản 2 Điều 3, Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính.

[1.2] Đối với Quyết định số 236/QĐ-UBND ngày 15/4/2021 của Chủ tịch UBND xã T Q về việc giải quyết khiếu nại lần đầu và Văn bản số 723/UBND-ĐC ngày 01/12/2020 của UBND xã T Q trả lời hộ gia đình ông Dương Thế L là các quyết định hành chính có liên quan, thuộc phạm vi giải quyết của vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ theo điểm đ khoản 3 Điều 191, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính để xem xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính này là có căn cứ, đúng quy định.

[1.3] Bản án sơ thẩm xác định về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, về quyết định hành chính liên quan, về tư cách những người tham gia tố tụng trong vụ án đúng quy định pháp luật. Việc chứng minh, thu thập chứng cứ đã được thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định tại chương VI Luật Tổ tụng hành chính.

[1.4] Đơn kháng cáo của ông Dương Văn B trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.5] Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa đã có đơn xin xét xử vắng mặt hoặc đã có mặt người đại diện theo ủy quyền, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 tiếp tục tiến hành việc xét xử vụ án.

[2] Xét kháng cáo của Người khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Về thẩm quyền ban hành các quyết định hành chính:

UBND thành phố S C ban hành các quyết định: Quyết định số 310/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 của UBND thành phố S C về việc thu hồi đất để thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án xây dựng hạ tầng khu công nghiệp S C II (giai đoạn I, đợt 3, diện tích 50ha) – trình đợt 8; Quyết định số 311/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố S C về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án xây dựng hạ tầng khu công nghiệp S C II (giai đoạn I, đợt 3, diện tích 50ha) – trình đợt 8 là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai.

Chủ tịch UBND xã T Q ban hành Quyết định số 236/QĐ-UBND ngày 15/4/2021 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu; Chủ tịch UBND thành phố S C ban hành các quyết định Quyết định số 2700/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố S C về việc giải quyết khiếu nại của ông Dương Văn B và ông Dương Thế G (lần 2) là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 17, Điều 18 Luật Khiếu nại.

[2.2] Về trình tự, thủ tục ban hành các quyết định hành chính:

Các quyết định hành chính đã được thực hiện đúng theo quy định tại Điều 69 Luật Đất đai 2013, Điều 26 Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 22/8/2014 của UBND tỉnh Thái Nguyên quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Sau khi ông Dương Thế G có đơn đề nghị xác định đất ao đất CLN cùng thửa đất có nhà ở, UBND xã T Q đã ban hành Công văn số 723/UBND-ĐC ngày 01/12/2020 với nội dung không công nhận các thửa đất ông Giảng đề nghị là đất nông nghiệp cùng thửa đất ở. Không nhất trí nên ông Giảng và ông B có đơn khiếu nại và được Chủ tịch UBND xã T Q ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu và Chủ tịch UBND thành phố S C giải quyết khiếu nại lần hai đối với gia đình ông Dương Thế L là đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 27, Điều 29, Điều 31, Điều 36, Điều 38, Điều 40 Luật Khiếu nại.

[2.3] Về nội dung các quyết định hành chính được ban hành:

Người khởi kiện cũng không thắc mắc về lý do thu hồi đất, diện tích đất, vị trí đất thu hồi của UBND thành phố S C. Các bên đương sự trong vụ án chỉ tranh chấp về việc xác định loại đất làm căn cứ để áp giá bồi thường, cụ thể người khởi kiện cho rằng trong các thửa đất của gia đình ông bị thu hồi thì có 03 thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ là: Thửa trích đo 413 (144+167) diện tích 458,5m²; Thửa trích đo 415 (145) diện tích 577,4m²; Thửa trích đo 560 diện tích 322,6m² là “*đất nông nghiệp cùng thửa với đất ở*” nhưng UBND thành phố S C chỉ xác định là đất nông nghiệp không cùng thửa với đất ở dẫn đến việc áp giá bồi thường không đúng.

Tại khoản 1 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP quy định:

“1. Trường hợp đang sử dụng đất không có giấy tờ quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 11 của Luật Đất đai thì loại đất được xác định như sau:

a) Trường hợp đang sử dụng đất ổn định mà không phải do lấn, chiếm, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép thì loại đất được xác định theo hiện trạng đang sử dụng;”

Tại khoản 1, khoản 6 Điều 103 Luật Đất đai quy định như sau:

“1. Đất vườn, ao của hộ gia đình, cá nhân được xác định là đất ở phải trong cùng một thửa đất đang có nhà ở.

6. Phần diện tích đất vườn, ao còn lại sau khi đã xác định diện tích đất ở theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 của Điều này thì được xác định sử dụng vào mục đích hiện trạng đang sử dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật này.”

- Đối với thửa trích đo 413 (144+167) và thửa trích đo 415 (145):

Tại Biên bản làm việc xác định nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất ngày 26/8/2021 với thành phần gồm đại diện Thanh tra thành phố, UBND xã T Q và đại diện xóm B Lài cũng như chính lời trình bày của ông L tại bản tường trình nguồn gốc đất ngày 29/10/2018 đều xác định:

- Thửa 413 gia đình ông L sử dụng từ năm 1966 đến nay để làm ao nuôi cá, không sử dụng và bất kỳ mục đích nào khác.

- Thửa đất 415 (145) có nguồn gốc do ông L vỡ hoang làm nhà ở từ năm 1960, đến năm 1969 ông L chuyển lên thửa 116 để làm nhà ở, thửa 415 chuyển sang trồng CLN ổn định liên tục từ đó đến thời điểm thu hồi.

Từ khi thiết L bản đồ địa chính năm 1986-1987, các thửa địa chính 144, 145, 167 đều được thể hiện là các thửa riêng biệt, không cùng thửa đất có nhà ở của ông L (thửa 116). Mặt khác, năm 1991, ông L được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ đối với thửa 116, trong giấy chứng nhận không thể hiện phần diện tích đất ao, đất CLN tại các thửa 144, 145, 167 nhưng gia đình ông L cũng không có ý kiến thắc mắc gì mà đến khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án thì mới cho rằng các thửa đất này là đất nông nghiệp cùng thửa đất có nhà ở là không có căn cứ để chấp nhận. Các con của ông L cho rằng thửa 413 (144+167) và 415 (145) là thửa đất nông nghiệp cùng thửa đất có nhà ở (thửa 116) là không có cơ sở.

Như vậy, UBND xã T Q, UBND thành phố S C xác định thửa 413, loại đất NTS và thửa 415, loại đất CLN là đúng (BL 152, 153, 221).

- Đối với thửa trích đo 560:

Tại Biên bản làm việc xác định nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất ngày 26/8/2021 xác định: Thửa 560 giáp ranh với đất nhà bà VỊ, có hàng rào tre nhà ông Hòa và bà VỊ trồng làm ranh giới, sử dụng ổn định từ trước năm 1970, không có tranh chấp, trước đây là thửa đất trũng có cỏ, đến năm 2009 khi xóm làm đường bê tông trục chính của xóm sau đó gia đình mới đổ đất và sử dụng làm bãi và sử dụng ổn định cho đến thời điểm thu hồi, địa hình thửa 560 là thửa

đất trũng thấp hơn thửa 116, mục đích sử dụng giữa hai thửa được phân biệt rõ ràng giữa đất thổ cư và đất có cỏ đến năm 2009 chuyển sang làm bãi.

Tại Biên bản làm việc xác định nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất ngày 23/3/2019 xác định nguồn gốc thửa đất là do ông cha để lại sử dụng trồng CLN từ trước năm 1980 đến nay, hiện trạng không tranh chấp với ai, có ranh giới bờ thửa rõ ràng, không ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của các hộ liền kề (BL 302).

Tại bản tường trình nguồn gốc đất ngày 29/10/2018, ông Dương Thế L đã xác định thửa đất 560 hiện trạng gia đình sử dụng để trồng cây lâu năm, có nguồn gốc là do ông L vỡ hoang trên diện tích đất rìa đường, rìa ao của ông L từ trước năm 1984 và sử dụng ổn định liên tục từ đó, có ranh giới rõ ràng.

Như vậy, UBND xã T Q, UBND thành phố S C xác định thửa 560, loại đất CLN là đúng.

Phần diện tích đất tại thửa đất có nhà ở của ông L (thửa 116) đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ. Năm 2012, ông L đã tách đất để tặng cho các con là ông Dương Xuân T, bà Dương Thị V, ông Dương Thế G, ông Dương Văn B, bà Dương Thị T2, bà Dương Thị T, bà Dương Thị T3. Thửa trích đo 343 là diện tích đất còn lại của ông L có vị trí tứ cận giáp đường đi chung và các thửa 554 (116D), 270 (67), 612 (116B+116C).

Trong khi đó, Bản đồ địa chính đo vẽ theo hiện trạng sử dụng đất và theo kết quả thực hiện công tác bồi thường GPMB của UBND thành phố S C dự án xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp S C II, vị trí tại các tờ bản đồ địa chính số 29 (100-IV), 30 (101-III), 37 (113-II), 38 (114-I) xã T Q, tờ 18 (113-II) xã Bá Xuyên thể hiện thửa trích đo 560 có vị trí tách biệt hoàn toàn với thửa 343. Cụ thể, thửa 560 có vị trí tứ cận giáp đường đi chung và các thửa 413 (144+167), 415 (145), 368 (136). Do vậy, các con của ông L cho rằng thửa trích đo 560 là thửa đất nông nghiệp cùng thửa đất có nhà ở tại thửa trích đo 343 là không có cơ sở.

[2.5] Ông B cho rằng việc áp giá bồi thường theo Quyết định 311 không đúng giá quy định là không có căn cứ chấp nhận. Bởi vì, Quyết định 311 đã căn cứ vào các văn bản, trong đó có Quyết định 3047/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt giá đất cụ thể thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án: Xây dựng hạ tầng khu công nghiệp S C II tại xã T Q, thành phố S C là có căn cứ, đúng quy định.

[2.6] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông B xác định tại cấp sơ thẩm việc ông rút yêu cầu khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại do quyết định hành chính gây ra là hoàn toàn tự nguyện, do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện này là đúng quy định. Ông B kháng cáo đối với nội dung này là không có căn cứ để chấp nhận.

[2.7] Tổng hợp các phân tích trên thấy rằng, quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, đã giải quyết vụ án đảm bảo đúng, đầy đủ quyền lợi hợp pháp của các bên đương sự, ông B kháng cáo nhưng không có thêm tài liệu gì mới làm căn cứ, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông B; Hội đồng xét xử đồng tình với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa, bác kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên ông Dương Văn B phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241; khoản 1 Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện là ông Dương Văn B; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2022/HCST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên;

2. Về án phí: Ông Dương Văn B phải chịu án phí hành chính phúc thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), đối trừ số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông Dương Văn B đã nộp tại Biên lai thu số 0000187 ngày 07/11/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Xác nhận ông B đã thi hành xong án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 06/4/2023.

*** Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Hoa